

Số: 08/2026/QĐST- HNGĐ

Hải Phòng, ngày 14 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Kim Giang.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 340/2026/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Hoàng Văn C**, sinh ngày 15/10/1992;

CCCD số: 030092004408;

Địa chỉ: **Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng.**

2. Chị **Lương Thị T**, sinh ngày 22/12/1994;

CCCD số: 038194005178;

Nơi đăng ký thường trú: **Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng;**

Nơi ở hiện nay: **P, Tòa Sansukai M I, số F, quận O, thành phố N, tỉnh Oita, Nhật Bản.**

Người được chị **T** ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng của tòa án: Chị **Nguyễn Thu P**, sinh năm 1994. Địa chỉ: **G, phường T, thành phố Hà Nội.**

(Anh **C**, chị **T**, chị **P** đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*Tại đơn yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình của anh **Hoàng Văn C**, chị **Lương Thị T** và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Hoàng Văn C** và chị **Lương Thị T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương (Nay là xã A, thành phố Hải Phòng)** vào ngày 09/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng hơn 10 năm, đến đầu năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau; tính cách, quan điểm trái ngược dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có tiếng nói chung. Gia đình đã hòa giải, động viên nhưng không được. Nay anh **C** và chị **T** cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh **Hoàng Văn C** và chị **Lương Thị T** có 01 con chung là **Hoàng Quốc Đ**, sinh ngày 04/8/2015, hiện đang ở cùng với anh **C**. Khi ly hôn anh **C**, chị **T** thống nhất để anh **C** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con **Hoàng Quốc Đ**, chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con với anh **C**.

Về quan hệ tài sản chung: Anh **C**, chị **T** không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh **C** và chị **T** tự nguyện chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại đơn trình bày nguyện vọng: Cháu **Hoàng Quốc Đ** trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Tại phiên họp: Anh **Hoàng Văn C**, chị **Lương Thị T** đều vắng mặt và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc đề nghị: Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **C** và chị **T**. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh **C** và chị **T**: Giao cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Hoàng Quốc Đ**, sinh ngày 04/8/2015, kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị **T**

không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh **C**. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh **C**, chị **T** phải chịu 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị **Lương Thị T** và anh **Hoàng Văn C** đều đăng ký thường trú tại **thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng**; chị **Lương Thị T** hiện đang lao động tại Nhật Bản. Cả anh **C**, chị **T** đều có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng thụ lý giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.

1.2. Các văn bản anh **C** nộp trực tiếp tại Tòa án; Các văn bản chị **T** gửi đến Tòa gồm có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Bản tự khai, Giấy ủy quyền, đơn đề nghị, đều có xác nhận của **Đại sứ quán C1** tại Nhật Bản nên được xác định là hợp pháp.

1.3. Anh **C**, chị **T** đều có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Hoàng Văn C** và chị **Lương Thị T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương** vào ngày 09/11/2014. Do vậy, hôn nhân của anh **C**, chị **T** hợp pháp. Từ đầu năm 2025, vợ chồng do tính cách, quan điểm trái ngược dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có tiếng nói chung. Gia đình đã hòa giải, động viên nhưng không được. Đến nay, cả hai xác định tình cảm không còn và cùng thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa anh **C**, chị **T** đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **C**, chị **T** theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Anh **Hoàng Văn C** và chị **Lương Thị T** có 01 con chung là **Hoàng Quốc Đ**, sinh ngày 04/8/2015. Anh **C** và chị **T** thống nhất thỏa thuận để anh **C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị **T** không phải cấp dưỡng cho con; cháu **Đ** cũng có nguyện vọng xin ở cùng với anh **C**. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận trên là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về quan hệ tài sản chung: Anh **C**, chị **T** không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Anh **C**, chị **T** phải chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Hoàng Văn C** và chị **Lương Thị T**.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh **Hoàng Văn C** và chị **Lương Thị T**: Giao cho anh **Hoàng Văn C** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Hoàng Quốc Đ**, sinh ngày 04/8/2015, kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị **Lương Thị T** không phải cấp dưỡng cho con chung với anh **C**.

Chị **Lương Thị T** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh **Hoàng Văn C**, chị **Lương Thị T** phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/26E số

0004856 ngày 23/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh **C**, chị **T** đã nộp đủ án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã An Phú, TP. Hải Phòng (Để ghi vào sổ hộ tịch số 61/2014, ngày 09/11/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Kim Giang